

Số: 90/2023/CBTT-BHHC-TCHC

Lào Cai, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (Mã CK: BHA) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (đã được kiểm toán) theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC:

- BCTC riêng
 BCTC hợp nhất
 BCTC tổng hợp

- Văn bản giải trình cùng BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có Không

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Hưng

Số: 89/2023/CV-BHHC-TCKT
Về việc giải trình biến động KQKD năm
2022.

Lào Cai, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 ;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022;

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà xin giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN, cụ thể như sau:

Kết thúc năm 2022, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đạt: 154.204.181.184 đồng, tăng 459.57% so với năm 2021.

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2021	Tăng/Giảm	
			Số tiền	%
Lợi nhuận trước thuế	167.811.639.451	29.184.986.631	138.626.652.820	474.99
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.712.524.675	265.825.456.802	102.887.067.873	38.70
Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	253.333.294.039	152.984.465.207	100.348.828.832	65.59
Doanh thu từ HĐ tài chính	506.514.412	453.085.599	53.428.813	11.79
Chi phí tài chính	80.988.701.862	114.917.016.520	(33.928.314.658)	(29.52)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	164.378.630.269	32.140.287.167	132.238.343.102	411.44
Lợi nhuận khác	3.433.009.182	(2.955.300.536)	6.388.309.718	216.16
Thuế TNDN	13.607.458.267	1.627.261.603	11.980.196.664	736.22
Lợi nhuận sau thuế	154.204.181.184	27.557.725.028	126.646.456.156	459.57

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tăng so với năm trước, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng, chi phí tài chính giảm. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng là do lưu lượng nước trung bình về hồ năm 2022 tăng nên sản lượng điện sản xuất ra tăng so với năm 2021

Trên đây là những nguyên nhân chính lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng so với năm 2021.

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Hưng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2022)

Ban kiểm soát

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thành Hưng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 03 năm 2023

Số: 031305/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023 từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 03 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

II
CÔ
T
KI
QU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.387.746.553	24.489.439.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.669.994.770	1.446.361.137
1. Tiền	111		3.369.994.770	1.446.361.137
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.286.244.002	22.528.637.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.246.051.612	15.272.992.043
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.738.774.537	5.500.132.437
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.301.417.853	1.755.512.855
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		431.507.781	514.441.161
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	431.507.781	514.441.161
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.586.129.480.850	1.685.557.624.734
I. Tài sản cố định	220		1.586.096.387.517	1.685.368.714.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.586.096.387.517	1.685.368.714.404
- Nguyên giá	222		2.608.375.997.785	2.606.741.917.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.022.279.610.268)	(921.373.203.381)
II. Tài sản dài hạn khác	260		33.093.333	188.910.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	33.093.333	188.910.330
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.622.517.227.403	1.710.047.064.367

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		795.505.398.035	1.004.039.416.183
I. Nợ ngắn hạn	310		108.639.223.383	175.169.241.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	2.685.107.773	3.783.709.859
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	11.820.113.961	14.706.254.140
3. Phải trả người lao động	314		852.705.555	903.473.655
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10a	11.773.586.779	10.000.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	5.312.835.315	29.625.727.936
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	75.794.874.000	115.950.075.941
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		400.000.000	200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		686.866.174.652	828.870.174.652
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.10b	14.120.000.000	24.120.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	672.746.174.652	804.750.174.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		827.011.829.368	706.007.648.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	827.011.829.368	706.007.648.184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		400.000.000	200.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		166.611.829.368	45.807.648.184
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.407.648.184	18.249.923.156
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		154.204.181.184	27.557.725.028
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.622.517.227.403	1.710.047.064.367

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	368.712.524.675	265.825.456.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		368.712.524.675	265.825.456.802
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	115.379.230.636	112.840.991.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.333.294.039	152.984.465.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	506.514.412	453.085.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	80.988.701.862	114.917.016.520
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.661.411.275	92.010.528.853
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.472.476.320	6.380.247.119
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.378.630.269	32.140.287.167
10. Thu nhập khác	31	VI.6	6.071.500.000	404.944.875
11. Chi phí khác	32	VI.7	2.638.490.818	3.360.245.411
12. Lợi nhuận khác	40		3.433.009.182	(2.955.300.536)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		167.811.639.451	29.184.986.631
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	13.607.458.267	1.627.261.603
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		154.204.181.184	27.557.725.028
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.319	415
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.319	415

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	167.811.639.451	29.184.986.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	100.906.406.887	100.887.770.472
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(506.514.412)	(453.085.599)
Chi phí lãi vay	06	80.661.411.275	92.010.528.853
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	348.872.943.201	221.630.200.357
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.242.393.333	3.031.170.236
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(22.498.523.961)	(977.016.479)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	238.750.377	22.523.567.256
Tiền lãi vay đã trả	14	(98.726.007.222)	(104.941.911.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.619.154.566)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	221.510.401.162	141.266.009.452
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.634.080.000)	(13.715.157.354)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	506.514.412	453.085.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.127.565.588)	(13.262.071.755)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	129.130.032.447	59.660.718.487
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(301.289.234.388)	(196.085.280.558)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(205.159.201.941)	(136.424.562.071)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.223.633.633	(8.420.624.374)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.446.361.137	9.866.985.511
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.669.994.770	1.446.361.137


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 08 ngày 20 tháng 08 năm 2019, vốn điều lệ Công ty là 660.000.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải điện và phân phối điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 50 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 72.251.476.830 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 150.679.801.898 đồng); nợ quá hạn chưa thanh toán là 10.732.530.035 đồng (Thuyết minh số V.8 và V.10). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nguồn thu và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tới đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong các năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Công ty sẽ tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc lập báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 45
Máy móc và thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm công cụ và dụng cụ, đây là các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế: Theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

Năm 2022 sẽ là năm thứ mười một Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	19.881.343	13.119.623
Tiền gửi ngân hàng	3.350.113.427	1.433.241.514
Các khoản tương đương tiền (*)	4.300.000.000	-
Cộng	7.669.994.770	1.446.361.137

(*) Gồm các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân Hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm với lãi suất là 5,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.217.398.886	15.272.992.043
Khách hàng khác	28.652.726	-
Cộng	10.246.051.612	15.272.992.043

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.738.774.537	5.500.132.437
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Trả trước cho người bán khác	901.206.497	662.564.397
Cộng	5.738.774.537	5.500.132.437
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan	4.837.568.040	4.837.568.040
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)		

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TCP Đầu tư An Phúc Thịnh (i)	9.000.000.000	-
Cộng	9.000.000.000	-

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Phúc Thịnh vay theo hợp đồng vay vốn số 07.10/2022/HĐV/BH-APT ngày 07 tháng 10 năm 2022. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	819.067.574	354.960.899
Phải thu khác - Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.482.350.279	1.400.551.956
Cộng	3.301.417.853	1.755.512.855

(i) Khoản chi hộ tiền thuế tài nguyên và cấp quyền khai thác nước cho Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	431.507.781	514.441.161
Cộng	431.507.781	514.441.161
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.093.333	188.910.330
Cộng	33.093.333	188.910.330

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	1.679.692.843.378	808.318.080.081	118.730.994.326	2.606.741.917.785
Mua trong năm	-	1.634.080.000	-	1.634.080.000
Tại ngày cuối năm	1.679.692.843.378	809.952.160.081	118.730.994.326	2.608.375.997.785
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	334.639.627.364	497.418.758.977	89.314.817.040	921.373.203.381
Khấu hao trong năm	38.035.561.045	52.433.245.875	10.437.599.967	100.906.406.887
Tại ngày cuối năm	372.675.188.409	549.852.004.852	99.752.417.007	1.022.279.610.268
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.345.053.216.014	310.899.321.104	29.416.177.286	1.685.368.714.404
Tại ngày cuối năm	1.307.017.654.969	260.100.155.229	18.978.577.319	1.586.096.387.517

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.584.485.003.072 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.685.368.714.404 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.524.343.043 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.524.343.043 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	886.008.779	886.008.779	986.008.779	986.008.779
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	266.410.607	266.410.607	944.458.050	944.458.050
Công ty CP Viettronic công nghiệp	295.538.883	295.538.883	295.538.883	295.538.883
Phải trả người bán khác	617.900.975	617.900.975	938.455.618	938.455.618
Cộng	2.685.107.773	2.685.107.773	3.783.709.859	3.783.709.859
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	886.008.779	886.008.779	986.008.779	986.008.779
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
Cộng	1.505.257.308	1.505.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308
c) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	1.505.257.308	1.505.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.949.408.589	35.926.223.173	38.585.832.909	4.289.798.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.899.240.995	13.607.458.267	9.619.154.566	5.887.544.696
Thuế thu nhập cá nhân	25.934.287	370.350.447	381.822.883	14.461.851
Thuế tài nguyên	5.819.517.030	32.059.904.932	36.263.266.640	1.616.155.322
Các loại thuế khác	12.153.239	18.812.057.639	18.812.057.639	12.153.239
Cộng	14.706.254.140	100.775.994.458	103.662.134.637	11.820.113.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.935.404.053	10.000.000.000
- Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	1.935.404.053	10.000.000.000
Lãi chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (i)	9.227.272.727	-
Các khoản trích trước khác	610.909.999	-
Cộng	11.773.586.779	10.000.000.000
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay	14.120.000.000	24.120.000.000
- Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	14.120.000.000	24.120.000.000
Cộng	14.120.000.000	24.120.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (i)	9.227.272.727	-
Cộng	9.227.272.727	-

(i) Khoản chi phí lãi chậm trả liên quan đến công nợ quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 cho giai đoạn từ trước năm 2019 được xác định theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28 tháng 08 năm 2020 với tổng giá trị là 22.727.272.727 đồng. Theo lịch trả nợ, đến trước ngày 31/12/2022, Công ty phải hoàn trả toàn bộ chi phí lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long năm 2012 với số tiền 34,12 tỷ đồng. Theo lịch trả nợ, số tiền này được hoàn trả vào kỳ trả lãi hàng năm vào ngày 25 tháng 11 các năm 2022, 2023 và 2024 số tiền 10 tỷ đồng, năm 2025 số tiền 4,12 tỷ đồng. Khoản lãi vay ân hạn được xác định theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017, theo Phụ lục này khoản lãi vay trên không bị tính lãi.

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	193.630.221	213.368.412
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	136.511.506	8.255.707
Thuế GTGT phải nộp	-	1.500.521.065
Lãi vay phải trả	4.982.693.588	27.903.582.752
Trong đó		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	-	22.727.272.727
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	4.982.693.588	5.176.310.025
Cộng	5.312.835.315	29.625.727.936
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	-	15.000.000.000
Cộng	-	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lũng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai (i)	790.874.000	790.874.000	19.126.032.447	36.281.234.388	17.946.075.941	17.946.075.941
Nợ dài hạn đến hạn trả	75.004.000.000	75.004.000.000			98.004.000.000	98.004.000.000
Tổng	75.794.874.000	75.794.874.000	19.126.032.447	36.281.234.388	115.950.075.941	115.950.075.941
b) Dài hạn	747.750.174.652	747.750.174.652			902.754.174.652	902.754.174.652
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	496.698.469.787	496.698.469.787	78.000.000.000	201.000.000.000	619.698.469.787	619.698.469.787
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (iii)	251.051.704.865	251.051.704.865	32.004.000.000	64.008.000.000	283.055.704.865	283.055.704.865
Nợ dài hạn đến hạn trả	75.004.000.000	75.004.000.000			98.004.000.000	98.004.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	43.000.000.000	43.000.000.000			66.000.000.000	66.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	32.004.000.000	32.004.000.000			32.004.000.000	32.004.000.000
Tổng	672.746.174.652	672.746.174.652	110.004.000.000	265.008.000.000	804.750.174.652	804.750.174.652

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 900/22MB/HĐTD ngày 14 tháng 01 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 14 tháng 01 năm 2025. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các loại thuế theo quy định. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ BẮC HÀ ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà và các tài sản khác theo hợp đồng đảm bảo số 1621/21MB/HĐĐĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung. Hạn mức tín dụng là 1.129 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 162 tháng. Mục đích vay là để thanh toán chi phí dự án công trình thủy điện Bắc Hà. Lãi suất cho vay được tính bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm và lãi suất biên 3.6%/năm. Tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất, các động sản và quyền tài sản khác và quyền sử dụng đất hình thành từ dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009. Hạn mức tín dụng là 315 tỷ đồng. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.
- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 và các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung. Hạn mức tín dụng là 156 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 168 tháng kể từ giải ngân đầu tiên (31 tháng 10 năm 2007). Thời gian ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất trong hạn 7,8%/năm tính trên dư nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận trước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

13. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	660.000.000.000	200.000.000	18.249.923.156	678.449.923.156
Lãi trong năm	-	-	27.557.725.028	27.557.725.028
Tại ngày đầu năm nay	660.000.000.000	200.000.000	45.807.648.184	706.007.648.184
Lãi trong năm	-	-	154.204.181.184	154.204.181.184
Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Tại ngày cuối năm	660.000.000.000	400.000.000	166.611.829.368	827.011.829.368

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2022 số 129/2022/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP	41,01%	270.649.830.000	44,11%	291.130.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	34,80%	229.684.170.000	31,70%	209.203.170.000
Cộng	100%	660.000.000.000	100%	660.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng tại khu vực miền Bắc (tỉnh Lào Cai). Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	368.712.524.675	265.825.456.802
Cộng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.712.524.675	265.825.456.802

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	115.379.230.636	112.840.991.595
Cộng	115.379.230.636	112.840.991.595

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	506.514.412	453.085.599
Cộng	506.514.412	453.085.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	80.661.411.275	92.010.528.853
Lãi chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số	-	22.727.272.727
Chi phí tài chính khác	327.290.587	179.214.940
Cộng	80.988.701.862	114.917.016.520

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.967.127.316	4.741.838.438
Thuế và các khoản lệ phí	270.054.795	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.235.294.209	1.635.408.681
Cộng	8.472.476.320	6.380.247.119

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền đền bù đất chống lún, tổn thất điện lượng	6.071.500.000	-
Tiền bồi thường bảo hiểm	-	340.888.893
Thu nhập khác	-	64.055.982
Cộng	6.071.500.000	404.944.875

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý công nợ tạm ứng	927.500.000	1.802.340.667
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.543.178.527	666.634.744
Các khoản khác	167.812.291	891.270.000
Cộng	2.638.490.818	3.360.245.411

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	167.811.639.451	29.184.986.631
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(20.592.900.284)	3.360.245.411
Các khoản điều chỉnh tăng	2.638.490.818	3.360.245.411
- Chi phí không được trừ	2.638.490.818	3.360.245.411
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.231.391.102)	-
Chi phí lãi vay năm trước không được trừ chuyển sang năm nay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(23.231.391.102)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	147.218.739.167	32.545.232.042
Thuế suất	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.721.873.917	3.254.523.205
Ưu đãi thuế	7.360.936.958	1.627.261.603
Truy thu thuế TNDN từ những năm trước	6.246.521.309	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.607.458.267	1.627.261.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	154.204.181.184	27.557.725.028
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.119.135.785)	(200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	153.085.045.399	27.357.725.028
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.319	415

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2021 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế	27.557.725.028	-	27.557.725.028
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.557.725.028	(200.000.000)	27.357.725.028
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	-	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	418	(3)	415

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	14.941.816.753	9.361.660.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.906.406.887	100.887.770.472
Thuế, phí và lệ phí	270.054.795	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài & bằng tiền khác	7.733.428.521	8.968.807.696
Cộng	123.851.706.956	119.221.238.714

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Ban lãnh đạo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.837.568.040	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Các khoản phải trả người bán	1.505.257.308	1.605.257.308
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	886.008.779	986.008.779


Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:



	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	201.000.000	171.000.000
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	168.000.000	143.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên HĐQT	135.000.000	115.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT	-	43.000.000
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	135.000.000	115.000.000
Ông Nguyễn Văn Thập	Thành viên HĐQT	-	43.000.000
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	925.874.137	764.103.457
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	385.655.190	502.493.050
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng Ban Kiểm soát	135.000.000	115.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	102.000.000	87.000.000
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	102.000.000	87.000.000
Cộng		2.289.529.327	2.185.596.507

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 03 năm 2023